

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-4-2023.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mai Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Hoà;
- Bà Nguyễn Thị Kim Đào;

Thư ký phiên tòa: Bà Ba Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Công Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 426/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023;

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Bé N, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ A, ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trần Thanh L, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ A, ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 12 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Chị Phạm Thị Bé N trình bày:

Chị và Anh Trần Thanh L chung sống như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, chung sống với nhau từ năm 2006, đến tháng 4/2007 mới đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn chị và anh L chung sống hạnh phúc cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng chung sống không hoà hợp, bất đồng quan điểm trong công việc và cuộc sống hàng ngày, chị cố gắng nhường nhịn để vợ chồng sống hạnh phúc nhưng cuộc sống

ngày càng mâu thuẫn nhiều hơn. Hôn nhân không hạnh phúc, gây áp lực tinh thần nên chị và anh L đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với Anh Trần Thanh L.

Vợ chồng chị chung sống có 03 con chung:

- + Trần Long T, sinh ngày 01-5-2007;
- + Trần Long Đ, sinh ngày 19-01-2009;
- + Trần Kim V, sinh ngày 06-4-2011.

Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi các con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Trần Thanh L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; Riêng bị đơn Anh Trần Thanh L chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, vắng mặt không tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án không lý do.

2. Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Phạm Thị Bé N đối với Anh Trần Thanh L

Về con chung: Giao 03 cháu Trần Long T, sinh ngày 01-5-2007, Trần Long Đ, sinh ngày 19-01-2009, Trần Kim V, sinh ngày 06-4-2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; Ghi nhận chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tranh chấp, không đặt ra giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Bé N phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe đương sự trình bày và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Chị Phạm Thị Bé N yêu cầu ly hôn với Anh Trần Thanh L. Anh L có địa chỉ đang cư trú tại: Tổ A, ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân

sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng Anh Trần Thanh L vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị Bé N và Anh Trần Thanh L qua một thời gian tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh vào ngày 20 tháng 4 năm 2007. Hôn nhân giữa chị N và anh L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị N trình bày chị và anh L chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng chung sống không hoà hợp, bất đồng quan điểm trong công việc và cuộc sống hàng ngày, chị cố gắng nhường nhịn để vợ chồng sống hạnh phúc nhưng cuộc sống ngày càng mâu thuẫn nhiều hơn. Hôn nhân không hạnh phúc nên chị và anh L đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập nhiều nhưng anh L để tham gia tố tụng, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Anh L không có thiện chí, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn hôn nhân gia đình giữa chị N và anh L ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cho thấy không có khả năng hàn gắn đoàn tụ mối quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh L. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Phạm Thị Bé N đối với Anh Trần Thanh L là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị N và anh L có 03 con chung tên Trần Long T, sinh ngày 01-5-2007, Trần Long Đ, sinh ngày 19-01-2009, Trần Kim V, sinh ngày 06-4-2011. Anh L không tham gia tố tụng nên không có ý kiến, chị N yêu cầu được nuôi 03 con chung và các con của Chị N, anh L mong muốn được sống cùng với chị N nên Hội đồng xét xử giáo 03 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp; Ghi nhận chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Chị Phạm Thị Bé N không yêu cầu Tòa án tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Trần Thanh L trong quá trình giải quyết vụ án, không tham gia tố tụng, không cung cấp ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị N. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 đồng theo Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Phạm Thị Bé N đối với Anh Trần Thanh L. Chị Phạm Thị Bé N được ly hôn đối với Anh Trần Thanh L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Long T, sinh ngày 01-5-2007, Trần Long Đ, sinh ngày 19-01-2009, Trần Kim V, sinh ngày 06-4-2011 cho Chị Phạm Thị Bé N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Bé N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị N đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012941 ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Chị N, anh L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND H. Dương Minh Châu;
- Chi cục THADS H. Dương Minh Châu;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Cầu Khởi;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Phan Thị Mai Dung

